

Hải Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp.

Bệnh viện quân y 7, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ hệ thống CNTT và nâng sản phòng máy chủ, bảo mật và PCCC với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đ/c: Nguyễn Mạnh Hùng - Chức vụ: Tổ trưởng CNTT

- Số điện thoại: 0965230333 - Gmail: benhvienq7hd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp báo giá tại Phòng Kế hoạch tổng hợp

Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3. Số 12 Tuệ Tĩnh, P. Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

- Nhận qua gmail: benhvienq7hd@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 13 tháng 02 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 18 tháng 02 năm 2025

Các báo giá nhận sau thời gian trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá 30 ngày kể từ 18/02/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Yêu cầu báo giá hệ thống CNTT phòng máy chủ, bảo mật và PCCC

(Phụ lục I: Mời báo giá vật tư phục vụ hệ thống CNTT và nâng sản phòng máy chủ)

(Phụ lục II: Mời báo giá hệ thống bảo mật)

(Phụ lục III: Mời báo giá hệ thống PCCC)

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3.

3. Địa chỉ: Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương.

4. Thời gian thực hiện dịch vụ: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Các thông tin khác (nếu có). 

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KHTH. H03.



Đạt tá Hoàng Văn Lý

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện quân y 7, Cục HC – KT, Quân khu 3

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 7 Cục HC - KT Quân khu 3, chúng tôi: Công ty báo giá cho gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ hệ thống CNTT và nâng sản phòng máy chủ, bảo mật và PCCC

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan.

	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VN Đ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1										
2										
Tổng cộng										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị)

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: 30 ngày kể từ ngày nhận được báo giá
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị nêu trong báo cáo là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục I
MỜI BÁO GIÁ NÂNG CẤP HỆ THỐNG CNTT PHÒNG MÁY CHỦ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ Thuật	ĐVT	SL	Ghi chú
A	SÀN NÂNG				
1	Sàn nâng cao 40cm	Tiêu chuẩn kỹ thuật: tải trọng tập trung 5300N, tải trọng phân bố 13.500N Độ dày tấm: 35mm Kích thước tấm: (600x600) mm Trọng lượng tấm: 14 kg/tấm Cấu tạo tấm : Trong là bê tông nhẹ, ngoài bọc thép sơn Epoxy chống rỉ sét. Mặt sau tấm có 64 lỗm hình võ trũng. Viên tấm có roăn cao su đen. Bề mặt tấm phủ HPL hoặc PVC. Chiều cao chân: Từ 100mm -:- 1500mm Cấu tạo chân: Thép mạ kẽm màu đồng. Thép ống phi 21- 35, dày 1.1 - 2mm. Thép đỉnh: 76x76x3.0mm. Thép đế: 96x95x2.0mm. Thanh đỡ ngang: Thép mạ kẽm màu đồng hoặc màu trắng xám, kính thước thanh: 21x30x570mm Ốc vít: Ốc nổi thanh và chân dài 45mm mạ kẽm. Chân bắt 2 vít nở M6 thép xuống sàn bê tông hoặc dán keo chuyên dụng	M ²	30	
2	Máng đi cáp điện + mạng 200x100	Độ dày: Tole t=1.5mm Chiều dài: L=2.5m Chiều rộng: W=200mm Chiều cao: H=100mm Màu sắc: Trắng, kem, xám, cam hoặc màu của vật liệu Bề mặt: Sơn tĩnh điện hoặc mạ kẽm.	Mét	30	
B	ĐIỆN				
1	Tủ điện sắt 40x60	Chất liệu: sắt Độ dày: ~ 0.6 - 0.7mm Cánh cửa: cửa nổi Đế bên trong: đế sắt Màu sắc: màu kem, sơn tĩnh điện Khóa tủ: khóa bấm hoặc khóa tròn tay gạt Kích thước (cm) (Dài x Rộng x Cao): 40 x 60 x 20	Chiếc	1	

2	Dây điện 2x6 Trần Phú	Cáp điện 2 lõi CXV 2x6 Dạng mẫu mã: Tròn Quy cách dây: Cu/ XLPE/ PVC. Trong đó, ruột dẫn làm bằng đồng, lớp cách điện trung thể làm bằng XLPE và lớp cách điện hạ thế làm từ PVC Số sợi: 7 Đường kính sợi: 3.12mm Kết cấu: Gồm nhiều sợi đồng ủ mềm bên tròn xoắn lại Điện áp định danh: 0.6/ 1kV	Mét	30	
3	Dây điện 2x4 Trần Phú	Cấu tạo: Bờ 2 lõi có đường kính bằng nhau, ruột được bên tròn theo phương pháp vện xoắn từ nhiều sợi đồng ủ mềm bằng khí tro Lớp bọc cách điện: XLPE hoặc PVC có độ bền cao Số ruột dẫn: 2 Kết cấu: Gồm nhiều sợi đồng bên tròn cấp 5 và cấp 6 Mặt cắt định danh: 4mm Điện áp định danh: 300/ 500V Cấp điện áp: từ 0.6/ 1kV đến 18/ 30kV	Mét	90	
4	Aptomat 2 pha 63A panasonic	Số cực 2P Dòng điện định mức 63A Dòng cắt ngắn mạch 10KA Điện áp định mức 240VAC Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2	Chiếc	1	
5	Aptomat 2 pha 20A	Aptomat CB Panasonic 20A 2P/220V AC Số cực: 2 Dòng điện định mức: 20A Dòng cắt ngắn mạch định mức: 10kA tại điện áp 240 VAC/ 6kA tại điện áp 415 VAC Aptomat bảo vệ quá tải và ngắn mạch	Chiếc	5	
6	Thanh nguồn PDU 12 ổ gắn rack	Vật liệu Thép CT3, Thép mạ kẽm hoặc tôn đen Màu sơn Sơn sần màu đen chống han rỉ Cáp nguồn 03m (3 x 2.5mm2) Số ổ 12 ổ cắm 3 chấu chuẩn đa dụng Công suất Max 20A Thiết kế Thiết kế chuẩn 19" 2U dùng lắp cho tủ mạng (lắp ngang), dễ dàng lắp đặt Bảo hành 12 tháng	chiếc	4	

7	Bộ kích điện 48V lên 220V/4200W apollo	Công nghệ tiên tiến, đầu ra sóng sine chuẩn. Công suất: 6000VA/4200W Điện áp vào: 220/230/240V ACTần số nguồn vào: 40-70Hz Điện áp ra: 220/230/240VAC Cung cấp cho các thiết bị một nguồn điện ổn định và tin cậy. Điện áp : 48VDC Bảo vệ chống sét cho đường dây điện thoại và mô-đem Có chức năng tự nạp điện cho ác-quy dù UPS đang ở chế độ tắt và tự khởi động lại khi mất điện. Sử dụng ác quy từ 5AH đến 200Ah. Chế độ nạp ác quy tự động, 3 giai đoạn.	Chiếc	1	
8	Bình ác quy vision 100A	Kiểu ác quy AGM VRLA (kín khí, không cần bảo dưỡng) Khối lượng 29.5 kg Dung lượng 100Ah Hiệu điện thế 12V Kích thước L:330 – W:171 – H:215 – TH:220 Tuổi thọ thiết kế 10 năm	Chiếc	4	
9	Tủ chứa bộ kích điện + ác quy	Kích thước tủ: rộng 400 x sâu 550 x cao 600mm. Ắc quy có thể dùng: 4 chiếc 100Ah hoặc 16 chiếc 24Ah Tủ được chia đều thành 2 ngăn. Tủ thiết kế theo dạng khung chịu lực gọn nhẹ đảm bảo kết cấu. Có thể lắp Attomat vào tủ. Tủ dạng lắp ghép dễ dàng vận chuyển, tháo lắp. Tủ đựng C4-100 dạng khung chịu lực cao, dễ dàng lắp ghép và vận chuyển. Sơn tĩnh điện, có độ bền và phù hợp với tiêu chuẩn chữa đựng ác quy.	Chiếc	1	
10	Khóa cửa vân tay + thẻ	Kích thước khóa: R75× C390 x D25 mm Nguồn cung cấp: 6VR6.A4 (8 pin AA) Dòng điện hoạt động : <180mA Tuổi thọ pin: Mở cửa 3000 lần Nguồn điện khẩn cấp: 5V-2A, Micro USB Độ dày cửa: 35-90 mm Độ rộng ổ cửa: >100mm	Bộ	1	
11	Nhân công + phụ kiện lắp đặt, đầu nối, hoàn thiện		Gói	1	

Phụ lục II
MỜI BÁO GIÁ HỆ THỐNG BẢO MẬT

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ Thuật	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Tường lửa fortigate 200E + license 12 tháng	Thiết bị tường lửa FortiGate-200E kèm dịch vụ hỗ trợ & bảo hành phân cứng và bản quyền phần mềm bảo vệ hợp nhất thời hạn 12 tháng hiệu Fortinet 18 x GE RJ45 (including 2 x WAN ports, 1 x MGMT port, 1 X HA port, 14 x switch ports), 4 x GE SFP slots. SPU NP6Lite and CP9 hardware accelerated. Hardware plus FortiCare Premium and FortiGuard Unified Threat Protection (UTP)	Chiếc	1	
2	Thiết bị giám sát mạng Switch HPE JH149A FlexNetwork 5510 24G	16 fixed Gigabit Ethernet SFP ports; Ports 1 - 8 support MACSec 8 Combo GbE (SFP and RJ45) dual-personality 1000 Mbps port, IEEE 802.3ab Type 1000BASE-T); Duplex: 10BASE-T/100BASE-TX: half or full; 1000BASE-T: full only 4 SFP+ 10GbE ports 1 port expansion module slot Supports a maximum of 6 SFP+ ports or 2 1/10GBASE-T ports or 2 40GbE ports, with optional module 1 dual-personality (RJ-45 or USB micro-B) serial console port 1 RJ-45 out-of-band management port 1 USB 2.0 2 power supply slots 1 minimum power supply required (ordered separately)	Chiếc	1	
3	Nhân công cấu hình tường lửa		chiếc	1	
4	Nhân công cấu hình thiết bị giám sát		chiếc	1	

Phụ lục III
MỜI BÁO GIÁ HỆ THỐNG PCCC

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	SL	Ghi chú
	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			
A	Hệ thống báo cháy	Hệ thống		
1	Trung tâm điều khiển xả khí kèm ắc quy	Cái	1	
2	Đầu báo khói thường kèm đế	Cái	1	
24	Đầu báo nhiệt thường kèm đế	Cái	1	
25	Nút ấn tạm ngưng xả khí	Cái	1	
26	Đèn cảnh báo xả khí (Di tản khẩn cấp)	Cái	1	
27	Đèn cảnh báo xả khí (CÁM VÀO)	Cái	1	
28	Còi đèn báo cháy xả khí	Cái	1	
B	HỆ THỐNG CHỮA CHÁY			
30	Bình chữa cháy thép đúc 67,5L, áp lực làm việc 42bar bao gồm van đầu bình. Được nạp 52kg khí HFC-227ea (Khí HFC-227ea đạt chứng nhận UL và FM).	Bình	1	
31	Đồng hồ áp lực 42bar, kèm tiếp điểm giám sát	Cái	1	
32	Ống mềm cao áp 40A, kèm van 1 chiều và khớp nối ống (Dùng cho bình 40L, 68L và 82.5L).	Cái	1	
33	Van kích hoạt bằng khí và bằng tay (Dùng cho bình 40L, 68L và 82.5L).	Cái	1	
34	Van xả khí an toàn 8A	Cái	1	
35	Van an toàn 20A	Cái	1	
36	Van 1 chiều 8A	Cái	1	
37	Tủ kích hoạt xả khí bao gồm: - Vỏ hộp; - Bình khí CO2 loại 1L/0.65kg; - Van điện từ 24VDC; - Công tắc áp lực.	Cái	1	
38	Đầu phun xả khí loại 360 25A, kèm miếng khoan giảm áp.	Cái	2	
39	Đầu phun xả khí loại 1800 25A, kèm miếng khoan giảm áp.	Cái	2	
40	Đai giữ bình khí loại 40L, 67.5L, 82.5L, 140L, 180L và 230L (Mỗi bình cần 02 chiếc).	Cái	2	
41	Ống thép đúc + vật tư phụ	Lô	1	
42	Nhân công lắp đặt hệ thống	Lô	1	
43	Chi phí vận chuyển	Chuyến	1	